

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2021/HC-PT

Ngày: 14/10/2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc—Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 195/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7837/2021/QĐPT-HC ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn NX, xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn Đ, xã Thụy Trình, huyện TT, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Trác P – Văn phòng luật sư Hoàng Nguyên Phong thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* **Người bị kiện:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N1 – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình; có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn V - Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện TT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện** yêu cầu hủy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của Bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T và trình bày cụ thể như sau:

Bà Trịnh Thị T là giáo viên mầm non tại Trường Mầm non xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình liên tục từ năm 1980 đến khi nghỉ hưu. Năm 2002, Trường Mầm non dân lập chuyển đổi thành trường bán công, bà được hưởng mức lương theo hệ số 1,4. Ngày 24/4/2013, bà được UBND huyện TT tuyển dụng viên chức theo hợp đồng làm việc, theo quyết định số 1521/QĐ-UBND. Tháng 5/2017 bà được nghỉ hưu theo quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Quá trình tham gia BHXH và hưởng chế độ BHXH khi nghỉ hưu của bà như sau:

Từ ngày 01/01/2002, bà được đóng BHXH theo Quyết định 81/QĐ-UB ngày 18/11/2002 của UBND tỉnh Thái Bình và đã đóng BHXH liên tục từ năm 2002 trở đi cho đến khi nghỉ hưu. Năm 2006, bà được truy đóng BHXH nối tiếp từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 (đóng theo quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của liên ngành Bộ Giáo dục và đào tạo - BHXH Việt Nam (sau đây viết tắt là Công văn số 2150/GDĐT-BHXH) và Hướng dẫn số 30/HD-LN ngày 11/01/2006 của liên ngành Sở Giáo dục và đào tạo - BHXH tỉnh Thái Bình (sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 30/HD-LN) hướng dẫn truy thu BHXH, BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế nhà nước). Tổng số tiền truy đóng là 6.174.000 đồng tính trên hệ số tiền lương của bà.

Bà T nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ tháng 5/2017. Thời gian đóng BHXH là 22 năm 4 tháng, mức lương hưu vào tháng 5/2017 là 2.389.000 đồng/tháng. Đến tháng 5/2019, bà được hưởng mức lương hưu tăng lên là 2.744.000 đồng/tháng.

Ngày 31/5/2019, bà được giao Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí của bà, cụ thể đã điều chỉnh: Giảm mức lương hưu của bà xuống còn 2.277.400 đồng/tháng và truy thu của bà 11.198.000 đồng. Bà không nhất trí việc BHXH điều chỉnh lương hưu của bà nên bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình.

Người đại diện của người khởi kiện trình bày căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện chính là Công văn số 2150/GDDĐT-BHXXH và thực tế quá trình đóng BHXH của bà T từ năm 1995 đến khi nghỉ hưu, đã được ghi cụ thể tại sổ BHXH của bà T (truy đóng và ghi sổ BHXH theo hệ số, theo đúng Nghị định số 73/1999/NĐ-CP, Công văn số 2150/GDDĐT-BHXXH và Hướng dẫn số 30/HD-LN (hướng dẫn đóng theo mục 1; 2; 4 tại Công văn số 61). Các văn bản đó không có nội dung nào quy định sổ BHXH phải ghi mức đóng bằng tiền đồng. BHXH huyện TT đã tự ý điều chỉnh sổ BHXH của bà T, thu tiền không có biên lai chứng từ. BHXH tỉnh Thái Bình không dân chủ trong điều chỉnh lương hưu của bà T. BHXH tỉnh Thái Bình làm sai thì phải chịu trách nhiệm bồi thường.

*** Quan điểm của người bị kiện đối với yêu cầu của người khởi kiện:**

Bà Trịnh Thị T là giáo viên mầm non Trường Mầm non xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình, được tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2002 theo quy định tại Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính Phủ; Thông tư số 26/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 20/10/2000 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính; Quyết định số 81/2002/QĐ-UB và Quyết định số 84/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình. Mức tiền lương đóng BHXH của bà T theo hệ số 1,4.

Tháng 4/2006 bà Trịnh Thị T được truy đóng BHXH cho thời gian làm việc từ tháng 01/1995 đến hết tháng 12/2001 theo Công văn số 2150/GDDĐT-BHXXH. Bà T được Trường Mầm non xã TP lập danh sách đề nghị truy đóng BHXH với mức tiền lương là hệ số 1,4 từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, có xác nhận của UBND xã TP, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện TT.

Cơ quan BHXH huyện TT đã tính số tiền truy đóng BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 đối với bà T là 6.174.000 đồng, bà T đã đóng đủ. BHXH huyện TT đã ghi sổ BHXH của bà T với mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH theo hệ số. Đây là sai sót về nghiệp vụ của cơ quan BHXH, do hiểu chưa đúng quy định của công văn số 2150/GDDĐT-BHXXH.

Bà Trịnh Thị T được nghỉ việc theo Quyết định 178/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND huyện TT và hưởng chế độ hưu trí từ tháng 5/2017. Ngày 20/4/2017 BHXH tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-BHXXH về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với bà Trịnh Thị T.

Bà T có tổng quá trình đóng BHXH là 22 năm 04 tháng được tính tròn bằng 22 năm 06 tháng; tỷ lệ hưởng lương hưu của bà T bằng 67,5%. (theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật BHXH năm 2014 và khoản 2 Điều 17 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

BHXH đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật BHXH năm 2014 (*Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương này (lương theo hệ số) thì tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu*) để giải quyết lương hưu cho bà T. Do đó lương hưu của bà T được tính là 2.389.329 đồng/tháng; thời điểm hưởng từ tháng 5/2017.

Việc điều chỉnh chế độ hưu trí của bà T theo chỉ đạo của BHXH Việt Nam sau khi rà soát hồ sơ truy đóng BHXH thời gian từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001:

Ngày 16/8/2020, BHXH Việt Nam có Công văn số 3085/BHXH-CSXH về việc chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non..., BHXH tỉnh đã chỉ đạo BHXH huyện TT kiểm tra, rà soát, lập lại tờ rời sổ BHXH số 2603003561 của bà Trịnh Thị T theo đúng quy định của công văn số 2150/GĐĐT-BHXH, điều chỉnh mức tiền lương làm căn cứ đóng và ghi sổ BHXH của bà T từ hệ số sang mức tiền đồng Việt Nam (*thời gian từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001*) là 490.000 đồng (cách tính: hệ số (1,4) x 350.000 đồng). Nếu quy ra tiền đồng Việt Nam thì số tiền phải truy đóng BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 của bà T không đổi, vẫn là 6.174.000 đồng (490.000 đồng/tháng x 84 tháng x 15%).

Tuy nhiên, khi điều chỉnh lại mức tiền lương đóng BHXH từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam ghi trên sổ BHXH thì diễn biến tiền lương của bà T có 02 quá trình: Giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 là thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (tiền đồng Việt Nam); Giai đoạn từ 01/01/2002 đến khi nghỉ hưu là thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định (lương theo hệ số).

Do đó việc giải quyết lương hưu đối với bà Trịnh Thị T phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật BHXH năm 2014 (*Người lao động vừa có thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH chung của các thời gian, trong đó thời gian đóng theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính bình quân tiền lương tháng đóng BHXH theo quy định tại khoản 1 Điều này*). Như vậy việc tính lương hưu đối với bà T bao gồm 02 quá trình:

- Một là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001: Thời gian đóng: 84 tháng, mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH: 490.000 đồng (*tiền đồng Việt Nam*).

Theo quy định của Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn, khi giải quyết lương hưu mức tiền lương đóng BHXH của bà T (*bằng tiền đồng Việt Nam*) được điều chỉnh trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng của từng thời kỳ theo quy định tại Điều 63 Luật BHXH năm 2014; Điều 10 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ (*hệ số điều chỉnh của năm 2016 quy định tại Thông tư số 58/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*). Tổng thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định: 84 tháng (07 năm). Tổng số tiền do người sử dụng lao động quy định: 135.828.000 đồng (cách tính: mức lương đóng BHXH x mức điều chỉnh x thời gian đóng BHXH).

Hai là: Thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định từ tháng 01/2002 đến tháng 4/2017: (Mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của bà T theo hệ số thang bảng lương Nhà nước). Bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 năm cuối trước khi nghỉ hưu của bà T là 3.539.747 đồng. Tổng thời gian công tác trong khối nhà nước là: 184 tháng. Tổng số tiền trong khối nhà nước: $3.539.747 \times 184 = 651.313.530$ đồng.

Lương bình quân (chung cả 2 quá trình) của bà T: $(135.828.000 \text{ đồng} + 651.313.530 \text{ đồng}) : (84 \text{ tháng} + 184 \text{ tháng}) = 2.937.095 \text{ đồng}$.

Lương hưu hàng tháng của bà T sau điều chỉnh lần thứ hai: $2.937.095 \text{ đồng} \times 67,5\% = 1.982.539 \text{ đồng/tháng}$; thời điểm hưởng từ tháng 5/2017.

Căn cứ hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí của bà Trịnh Thị T, tờ rời sổ BHXH số 2603003561 do BHXH huyện TT cấp ngày 25/4/2019. BHXH tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T với cách tính lương hưu cho bà T khi điều chỉnh như trên.

Như vậy, khi điều chỉnh lương hưu lần 2 thì tiền lương hưu hằng tháng của bà Trịnh Thị T bị giảm đi 406.790 đồng/01tháng (từ mức 2.389.329 đồng/tháng, xuống mức 1.982.539 đồng/tháng); trong đó số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 5/2017 đến tháng 5/2019 do điều chỉnh lương hưu đối với bà T là 11.198.529 đồng, đến ngày 10/7/2020 bà Trịnh Thị T đã nộp được 3.100.000 đồng vào quỹ BHXH.

Việc người đại diện của người khởi kiện trình bày về việc BHXH tỉnh không dân chủ khi điều chỉnh và truy thu lương hưu của bà T là không đúng, vì BHXH tỉnh đã chỉ đạo BHXH huyện, thành phố báo cáo Thành ủy, Huyện ủy, UBND huyện, thành phố và phối hợp với phòng Giáo dục và đào tạo, Hội giáo chức, các phòng liên quan tổ chức hội nghị để tuyên truyền, đối thoại, gặp gỡ, giải thích đối với các trường hợp phải điều chỉnh, thu hồi chênh lệch lương hưu nhằm tạo sự đồng thuận trong thực hiện; BHXH huyện TT khi giao Quyết định 370/QĐ-BHXH cho bà T đã giao kèm theo “Bản quá trình đóng BHXH” của bà Trịnh Thị T, trong

đó thể hiện rõ nội dung đã điều chỉnh cách ghi từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam đối với giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001. Mặt khác, thực hiện công văn số 3085/BHXXH-CSXH của BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh đã chủ động báo cáo và đề nghị UBND tỉnh Thái Bình, BHXH Việt Nam chỉ đạo, tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan nhằm tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc điều chỉnh lương hưu và thu hồi số tiền chênh lệch lương hưu của giáo viên mầm non; đã thực hiện linh hoạt mức truy thu hằng tháng với mức thu thấp nhất là 100.000 đồng/tháng cho đến khi thu đủ số tiền phải thu về quỹ BHXH sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người nhằm giảm bớt khó khăn, bảo đảm cuộc sống của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh, điều đó thể hiện BHXH tỉnh đã thực hiện đúng quy định tại mục 3 công văn số 3085/BHXXH-CSXH “*Việc khắc phục phải khẩn trương, đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền, không đẩy trách nhiệm về phía người lao động hoặc đơn vị sử dụng lao động*”.

Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXXH về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T: Luật Bảo hiểm xã hội số năm 2014; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ; Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 và Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; Quyết định số 1414/QĐ-BHXXH ngày 04/10/2016 và Công văn số 3085/BHXXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam; Hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T và tờ rời sổ BHXH số 2603003561 cấp ngày 25/4/2019.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXXH điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T là đúng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 3; tiết 1.1.3, điểm 1.1, khoản 1 Điều 7 Quyết định số 166/QĐ-BHXXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN.

Quan điểm của BHXH tỉnh đối với yêu cầu của người khởi kiện: BHXH tỉnh Thái Bình khẳng định việc ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, công bằng về quyền lợi hưởng BHXH của giáo viên mầm non trong cả nước. BHXH tỉnh đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội huyện TT, tỉnh Thái Bình trình bày:** Thực hiện Quyết định số 81/2002/QĐ-UB ngày 18/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thực hiện chế độ BHXH và BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước, BHXH huyện TT đã hướng dẫn, đôn đốc đơn vị thực hiện lập hồ sơ thu BHXH, BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước vào năm 2002. Năm 2003, BHXH huyện

đã hướng dẫn đơn vị, người lao động lập tờ khai cấp sổ BHXH chuyển BHXH tỉnh Thái Bình để cấp và ghi sổ BHXH cho người lao động. Bà Trịnh Thị T được BHXH tỉnh Thái Bình cấp sổ BHXH lần đầu với thời gian tham gia từ tháng 01/2002, hệ số lương là 1,4.

Tháng 4/2006, thực hiện Công văn số 2150/GDĐT-BHXH, bà T được Trường mầm non xã TP lập danh sách đề nghị truy đóng BHXH với mức tiền lương là hệ số 1,4 từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, có xác nhận của UBND xã TP, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện TT. Cơ quan BHXH huyện TT đã tính số tiền truy đóng BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 của bà T: $(1,4) \times 350.000 \text{ đồng} \times 84 \text{ tháng} \times 15\% = 6.174.000 \text{ đồng}$. *(Tại thời điểm tháng 4/2006 mức lương tối thiểu chung được quy định tại Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ là 350.000 đồng).*

BHXH huyện đã hướng dẫn người lao động lập tờ khai cấp lại sổ cộng nối thời gian truy thu BHXH, chuyển BHXH tỉnh Thái Bình để thực hiện việc cấp lại và ghi sổ BHXH. Bà T đã được BHXH tỉnh Thái Bình cấp lại sổ BHXH cộng nối thời gian tham gia từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 với hệ số 1,4.

Bà T được chốt sổ BHXH và nghỉ hưu từ tháng 5/2017.

Thực hiện công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam, BHXH huyện đã rà soát lại mức đóng BHXH của bà T và tiến hành điều chỉnh lại việc ghi sổ BHXH, cụ thể như sau:

Cách ghi sổ trước khi điều chỉnh: Thời gian truy đóng từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 là 84 tháng, mức đóng là 1,4 tương ứng với tổng số tiền là 6.174.000 đồng.

Cách ghi sổ BHXH sau khi điều chỉnh: Thời gian truy đóng từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 là 84 tháng, mức đóng là 490.000 đồng, tương ứng với số tiền truy đóng là: $490.000 \text{ đồng} \times 84 \text{ tháng} \times 15\% = 6.174.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền truy đóng BHXH trước và sau khi điều chỉnh không thay đổi và bằng 6.174.000 đồng.

Ngày 22/4/2019, BHXH huyện TT thực hiện điều chỉnh nội dung ghi sổ BHXH thời gian từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 từ mức lương hệ số sang mức lương tiền đồng Việt Nam của bà Trịnh Thị T và chuyển về BHXH tỉnh làm căn cứ điều chỉnh lương hưu theo đúng quy định.

Việc điều chỉnh cách ghi số tiền đóng BHXH của bà T giai đoạn từ 01/01/1995 đến 31/12/2001 là đúng quy định, trước đây do sai sót nghiệp vụ đã ghi sai nên nay điều chỉnh lại cho đúng, việc bà T yêu cầu hủy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019, giữ nguyên mức lương hưu trước khi điều chỉnh là không có cơ sở. BHXH huyện TT đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 164, Điều 168, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật BHXH năm 2014; Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của liên ngành Bộ Giáo dục và đào tạo - BHXH Việt Nam; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/01/2021, người khởi kiện là bà Trịnh Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T và hoàn lại cho bà T những khoản tiền đã truy thu.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: BHXH tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T là đúng quy định pháp luật, đúng với thời gian tham gia BHXH, đúng với mức lương làm căn cứ đóng BHXH của bà

T qua các giai đoạn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị T được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Thị T khởi kiện Quyết định hành chính của BHXH tỉnh Thái Bình, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/5/2019, bà T nhận Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình. Ngày 29/5/2020, bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình yêu cầu hủy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình. Như vậy, việc khởi kiện của bà T còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính, được Tòa án xem xét, thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Bà Trịnh Thị T là giáo viên mầm non, làm việc tại Trường Mầm non xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình liên tục từ năm 1980 đến hết tháng 4/2017, trong đó có thời gian bà thuộc đối tượng giáo viên mầm non ngoài công lập. Nội dung này thể hiện tại danh sách giáo viên mầm non ngoài công lập có thời gian làm việc liên tục trước ngày 01/01/2002 đề nghị truy đóng BHXH, do Trường Mầm non xã TP lập, có xác nhận của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện TT và UBND xã TP, huyện TT, tỉnh Thái Bình và sổ BHXH số 2603003561 của bà Trịnh Thị T.

Đến năm 2002, bà T được đóng BHXH theo quy định của Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ (*quy định giáo viên mầm non ngoài công lập có ký hợp đồng lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc*); Thông tư liên tịch số 26/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 20/10/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính (*hướng dẫn thực hiện chế độ BHXH đối với lao động làm việc trong các cơ sở ngoài công lập thuộc các ngành giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao*). UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định 81/QĐ-UB ngày 18/11/2002 về việc thực hiện chế độ BHXH và BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước (*quy định: Mức lương làm căn cứ đóng BHXH và BHYT: Đối với giáo viên mầm non có trình độ từ trung học trở lên thì lấy mức lương khởi điểm của giáo viên có trình độ trung học trong biên chế Nhà nước (hệ số 1,4) làm căn cứ đóng; đối với giáo viên chưa đạt trình độ trung*

học, lấy mức lương tối thiểu (hệ số 1,0) làm căn cứ đóng); Liên ngành BHXH - Tài chính vật giá - Giáo dục và Đào tạo - Ban tổ chức chính quyền tỉnh Thái Bình ban hành Hướng dẫn số 61/HD-LN ngày 20/02/2003 về việc thực hiện chế độ BHXH và BHYT cho giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước (quy định: Đối với GVMN có trình độ trung học trở lên thì lấy mức lương khởi điểm của giáo viên có trình độ trung học trong biên chế Nhà nước (hệ số 1,4) làm căn cứ đóng; đối với giáo viên chưa đạt trình độ trung học, lấy mức lương tối thiểu (hệ số 1,0) làm căn cứ để đóng). Thời điểm đó bà T được hưởng mức lương theo hệ số 1,4. Bà T đã đóng BHXH từ đó cho đến khi nghỉ hưu.

Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004 của liên ngành Bộ Giáo dục và Đào tạo - BHXH Việt Nam, về việc thực hiện BHXH và BHYT đối với người lao động thuộc các cơ sở giáo dục mầm non (*theo đó quy định: Người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở mầm non từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 mà chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội thì có thể đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian từ tháng 01/1995 đến khi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu, nộp*). Như vậy, theo quy định nêu trên thì mức tiền lương làm căn cứ truy thu và ghi sổ BHXH từ tháng 01/1995 đến khi được đóng BHXH bắt buộc đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước phải là mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu, nộp (không phải là hệ số).

Tỉnh Thái Bình đã triển khai cho giáo viên Mầm non thuộc diện quy định được truy đóng BHXH. Ngày 11/01/2006, Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - BHXH tỉnh Thái Bình đã ban hành Hướng dẫn số 30/HD-LN về việc thực hiện truy thu BHXH, BHYT đối với giáo viên mầm non ngoài biên chế Nhà nước, tuy nhiên do sai sót về nghiệp vụ, nhận thức không chính xác quy định của Công văn số 2150/GDĐT-BHXH về mức lương làm căn cứ trích nộp BHXH, BHYT, nên mục 1 của hướng dẫn số 30/HD-LN về “*Phạm vi, đối tượng áp dụng, mức lương làm căn cứ trích nộp BHXH, BHYT...*” đã có nhiều mẫu thuẫn, trong đó vừa hướng dẫn “*...căn cứ vào điểm 1,2,4 hướng dẫn số 61/HD-LN*”, vừa hướng dẫn “*mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do nhà nước quy định tại thời điểm thu nộp*”. Như vậy, hướng dẫn số 30/HD-LN nêu trên là không nhất quán và có nội dung không đúng với quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH. Từ đó dẫn đến việc cơ quan BHXH thực hiện thu và ghi sổ BHXH của bà T giai đoạn truy nộp BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 không đúng quy định (*tiền lương làm căn cứ đóng BHXH không ghi tiền đồng mà ghi hệ số*).

Số tiền bà T được truy đóng BHXH tính từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 là 6.174.000 đồng. Bà T và BHXH không có ý kiến phản đối gì về số tiền truy đóng BHXH. Do bản chất quan hệ giữa cơ quan BHXH và người lao động tham gia BHXH là quan hệ đóng - hưởng, mức hưởng tính trên cơ sở mức đóng (theo quy định tại Điều 5 Luật BHXH năm 2014), do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về mức đóng BHXH.

Tuy nhiên, do việc ghi sổ BHXH đối với bà Trịnh Thị T không thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH, nên khi bà T được nghỉ hưởng chế độ hưu trí, BHXH tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 1 Điều 62 Luật BHXH năm 2014 để giải quyết chế độ hưu trí đối với bà T tại Quyết định số 524/QĐ-BHXH ngày 20/4/2017 (lương hưu 2.389.329 đồng/tháng) là không đúng quy định pháp luật, không đúng với quá trình đóng BHXH của bà T.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, BHXH Việt Nam phát hiện sai phạm của BHXH tỉnh Thái Bình và BHXH một số tỉnh, thành phố trong toàn quốc, đã ban hành Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018, yêu cầu chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non... trong đó có nội dung *“Khi rà soát, kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót thì phải điều chỉnh lại theo đúng quy định. Sai sót ở khâu nghiệp vụ thì Giám đốc BHXH tỉnh chỉ đạo khắc phục kịp thời... Thu hồi số tiền giải quyết sai (nếu có) nộp vào quỹ BHXH...”*.

Thực hiện Công văn số 3085/BHXH-CSXH của BHXH Việt Nam, BHXH huyện TT đã lập tờ rời sổ BHXH số 2603003561 cấp ngày 25/4/2019 đối với bà Trịnh Thị T, điều chỉnh việc ghi sổ BHXH về nội dung mức lương làm căn cứ đóng BHXH, đối với thời gian truy đóng BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 từ hệ số sang tiền đồng Việt Nam. Việc điều chỉnh trên của BHXH huyện TT là thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH và 3085/BHXH-CSXH nêu trên.

Từ căn cứ đó, BHXH tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 3 Điều 62 Luật BHXH năm 2014, ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trịnh Thị T. Mức lương sau điều chỉnh đối với bà T mà BHXH tỉnh Thái Bình đã xác định (1.982.539 đồng/tháng) là đúng quy định pháp luật, đúng với thời gian tham gia BHXH, đúng với mức lương làm căn cứ đóng BHXH của bà Trịnh Thị T qua các giai đoạn.

Đối với Hướng dẫn số 30/HD-LN ngày 11/01/2006 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - BHXH tỉnh Thái Bình là không đúng quy định của Công văn số 2150/GDĐT-BHXH, tuy nhiên đây là văn bản mang tính hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của liên ngành, không phải là quyết định hành chính có liên quan, vì vậy không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3.2] Về hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình được ban hành dưới thể thức văn bản, do Giám đốc BHXH tỉnh Thái Bình ký ban hành là đúng chức năng, nhiệm vụ của BHXH tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật BHXH năm 2014; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc thành lập BHXH tỉnh Thái Bình. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 370/QĐ-BHXH theo đúng quy định tại Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả chế độ BHXH, BHTN.

Như vậy Quyết định số 370/QĐ-BHXH ngày 16/5/2019 của BHXH tỉnh Thái Bình được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ như đã viện dẫn ở trên, vì vậy là hoàn toàn hợp pháp.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trịnh Thị T không xuất trình thêm chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và BHXH tỉnh Thái Bình, bác kháng cáo của bà Trịnh Thị T; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Trịnh Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Về án phí: Bà Trịnh Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn lại cho bà Trịnh Thị T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009888 ngày 21/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Cường